TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
BAN QLDA NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG II - TKV

Số: 977/NDII-HCTH
V/v Chào giá cung cấp dịch vụ tư vấn quan trắc, giám sát môi trường trong thời gian xây dựng Dự án NMNĐ Na Dương II

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lạng Sơn, ngày 03 tháng 11 năm 2026

THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Nhà thầu/nhà cung cấp dịch vụ có quan tâm

Hiện nay, Ban QLDA Nhà máy Nhiệt điện Na Dương II - TKV (Ban QLDA) đang tổ chức lựa chọn nhà thầu/nhà cung cấp dịch vụ quan trắc, giám sát môi trường trong thời gian xây dựng Dự án NMNĐ Na Dương II. Để có cơ sở triển khai các bước tiếp theo theo quy định hiện hành, Ban QLDA đề nghị các Nhà thầu có quan tâm, chào giá cung cấp dịch vụ nêu trên với nội dung cụ thể sau:

- Nội dung/phạm vi công việc: Chi tiết theo Phụ lục đính kèm văn bản này.
- Thời gian/tiến độ thực hiện: 8 tháng (Quý IV/2026; Quý I và Quý II/227) kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Chi tiết theo Phụ lục đính kèm văn bản này.
- Hiệu lực Báo giá: 30 ngày kể từ ngày hết hạn nộp báo giá.
- Bản chào giá/báo giá phải do đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của người đại diện hợp pháp của nhà thầu kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.
- Giá chào là giá trọn gói đã bao gồm chi phí lấy mẫu, phân tích, lập báo cáo, thuê xe, văn phòng phẩm, in ấn, thuế GTGT (8%) và các chi phí liên quan khác.
- Cung cấp kèm theo Bản cháo giá/báo giá 01 bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương) còn hiệu lực tại thời điểm chào giá và các tài liệc có liên quan khác chứng minh năng lực, kinh nghiệm của đơn vị tư vấn.
- Yêu cầu về năng lực/kinh nghiệm của đơn vị tư vấn:

** Tư cách pháp lý:* Là tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam; có Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (VIMCERTS) còn hiệu lực.

** Năng lực nhân sự:*

Người phụ trách kỹ thuật có trình độ đại học trở lên ngành môi trường/hóa học/sinh học; cán bộ thực hiện lấy mẫu, đo đạc tại hiện trường và phân tích có chuyên môn phù hợp và được cấp chứng chỉ kỹ thuật quan trắc/phân tích tương ứng.

** Cơ sở vật chất, trang thiết bị:*

+ Có phòng thí nghiệm đạt chuẩn (đáp ứng tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025 hoặc tương đương), có đầy đủ diện tích, điều kiện môi trường kiểm soát để thực hiện phân tích mẫu.

+ Thiết bị quan trắc hiện trường và thiết bị phân tích phòng thí nghiệm phải có nguồn gốc rõ ràng, được kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về đo lường.

* *Kính nghiệm:* Đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tư vấn quan trắc, giám sát chất lượng môi trường trong các cơ sở sản xuất công nghiệp hoặc tương đương.

- Thời gian gửi báo/chào giá: Báo giá xin gửi tới Ban QLDA Nhà máy Nhiệt điện Na Dương II - TKV (Địa chỉ thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) chậm nhất ngày16/11/2026.

- Thông tin chi tiết xin liên hệ với Bà Hoàng Thị Thơ - Phòng Hành chính Tổng hợp - SĐT: 0978 789 604.

Rất mong nhận được sự hợp tác và phản hồi sớm từ Quý đơn vị.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- PGĐ H.Q.Thứ (e-copy);
- KTTr N.T.Trung (e-copy);
- Phòng: KTXD, KTTC (e-copy);
- Đăng tải Hệ thống mạng ĐTQG (e-copy);
- Đăng tải web ĐLTKV (e-copy);
- Đăng tải web TKV (e-copy);
- Lưu: VT, HCTH, HT (02b).

GIÁM ĐỐC

M.S.C.N:0104297034-009-C.T.C.P
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG II
CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV-CTCP
H.LỘC BÌNH - T.LẠNG SƠN

Phạm Xuân Phong

PHỤ LỤC 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC
QUAN TRẮC, GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG TRONG THỜI GIAN XÂY DỰNG DỰ ÁN NMNĐ NA DƯƠNG II

(Kèm theo văn bản số 977 /NDII-HCTH ngày 03/11/2026)

1. Nội dung và phạm vi công việc:

1.1. Phạm vi nhiệm vụ: Thực hiện công tác đo đạc, lấy mẫu tại hiện trường theo đúng Báo cáo ĐTM được UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt tại Quyết định số 1120/QĐ-UBND ngày 10/8/2013; phân tích mẫu trong phòng thí nghiệm đạt chuẩn; đánh giá hiện trạng và đối chiếu với các TCVN và QCVN về môi trường hiện hành đảm bảo tính chính xác, khách quan và đầy đủ pháp lý; đề xuất các giải pháp giảm thiểu tác động môi trường (nếu có); tổng hợp lập Báo cáo kết quả quan trắc chất lượng môi trường định kỳ tuân thủ Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các văn bản sửa đổi, bổ sung nếu có.

1.2. Khối lượng thực hiện: Danh mục chỉ tiêu phân tích mẫu môi trường và các công việc khác phục vụ quan trắc/lập báo cáo của Quý IV năm 2026, Quý I năm 2027 và Quý II năm 2027 như sau:

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)
A	**Kinh phí phân tích mẫu môi trường**				
A1	**Quý IV năm 2026**				
I	**Mẫu không khí xung quanh (02 mẫu x 01 lần)**				
1	Nhiệt độ, độ ẩm	Mẫu	2,00		
2	Vận tốc, hướng gió	Mẫu	2,00		
3	Tiếng ồn	Mẫu	2,00		
4	Bụi lơ lửng	Mẫu	2,00		
5	CO	Mẫu	2,00		
6	SO2	Mẫu	2,00		
7	NO2	Mẫu	2,00		
8	Độ rung	Mẫu	2,00		
II	**Khí thải (03 mẫu x 01 lần)**				
1	Bụi tổng số	Mẫu	3,00		
2	SO2	Mẫu	3,00		
3	NO2	Mẫu	3,00		
4	CO	Mẫu	3,00		
5	Tiếng ồn	Mẫu	3,00		
6	VOC	Mẫu	3,00		
III	**Mẫu môi trường nước**				
1.1	***Mẫu nước thải công nghiệp (01 mẫu x 01 lần)***				
1	pH	Mẫu	1,00		
2	BOD5	Mẫu	1,00		

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)
3	As	Mẫu	1,00		
4	Cu	Mẫu	1,00		
5	Cd	Mẫu	1,00		
6	Zn	Mẫu	1,00		
7	Mn	Mẫu	1,00		
8	Fe	Mẫu	1,00		
9	Pb	Mẫu	1,00		
10	COD	Mẫu	1,00		
11	TSS	Mẫu	1,00		
12	Dầu mỡ	Mẫu	1,00		
13	Coliform	Mẫu	1,00		
1.2	***Mẫu nước thải sinh hoạt (02 mẫu x 01 lần)***				
1	pH	Mẫu	2,00		
2	BOD5	Mẫu	2,00		
3	COD	Mẫu	2,00		
4	TSS	Mẫu	2,00		
5	Tổng N	Mẫu	2,00		
6	Tổng P	Mẫu	2,00		
7	Coliform	Mẫu	2,00		
1.3	***Mẫu nước mặt (02 mẫu x 01 lần)***				
1	pH	Mẫu	2,00		
2	TSS	Mẫu	2,00		
3	BOD5	Mẫu	2,00		
4	COD	Mẫu	2,00		
5	Tổng N	Mẫu	2,00		
6	Tổng P	Mẫu	2,00		
7	Cd	Mẫu	2,00		
8	As	Mẫu	2,00		
9	Pb	Mẫu	2,00		
10	Zn	Mẫu	2,00		
11	Cu	Mẫu	2,00		
12	Mn	Mẫu	2,00		
13	Fe	Mẫu	2,00		
14	Tổng dầu mỡ	Mẫu	2,00		
15	Coliform	Mẫu	2,00		
IV	**Mẫu đất (01 mẫu x 01 lần)**				
1	pH	Mẫu	1,00		
2	Cu	Mẫu	1,00		
3	Zn	Mẫu	1,00		

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)
4	Cd	Mẫu	1,00		
5	As	Mẫu	1,00		
6	Pb	Mẫu	1,00		
A2	**Quý I năm 2027**				
I	**Mẫu không khí xung quanh**				
	Không thực hiện trong quý				
II	**Khí thải (03 mẫu x 01 lần)**				
1	Bụi tổng số	Mẫu	3,00		
2	SO2	Mẫu	3,00		
3	NO2	Mẫu	3,00		
4	CO	Mẫu	3,00		
5	Tiếng ồn	Mẫu	3,00		
6	VOC	Mẫu	3,00		
III	**Mẫu môi trường nước**				
1.1	***Mẫu nước thải công nghiệp (01 mẫu x 01 lần)***				
1	pH	Mẫu	1,00		
2	BOD5	Mẫu	1,00		
3	As	Mẫu	1,00		
4	Cu	Mẫu	1,00		
5	Cd	Mẫu	1,00		
6	Zn	Mẫu	1,00		
7	Mn	Mẫu	1,00		
8	Fe	Mẫu	1,00		
9	Pb	Mẫu	1,00		
10	COD	Mẫu	1,00		
11	TSS	Mẫu	1,00		
12	Dầu mỡ	Mẫu	1,00		
13	Coliform	Mẫu	1,00		
1.2	***Mẫu nước thải sinh hoạt (02 mẫu x 01 lần)***				
1	pH	Mẫu	2,00		
2	BOD5	Mẫu	2,00		
3	COD	Mẫu	2,00		
4	TSS	Mẫu	2,00		
5	Tổng N	Mẫu	2,00		
6	Tổng P	Mẫu	2,00		
7	Coliform	Mẫu	2,00		
1.3	***Mẫu nước mặt***				
	Không thực hiện trong quý				

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)
IV	**Mẫu đất**				
	Không thực hiện trong quý				
A3	**Quý II năm 2027**				
I	**Mẫu không khí xung quanh (02 mẫu x 01 lần)**				
1	Nhiệt độ, độ ẩm	Mẫu	2,00		
2	Vận tốc, hướng gió	Mẫu	2,00		
3	Tiếng ồn	Mẫu	2,00		
4	Bụi lơ lửng	Mẫu	2,00		
5	CO	Mẫu	2,00		
6	SO2	Mẫu	2,00		
7	NO2	Mẫu	2,00		
8	Độ rung	Mẫu	2,00		
II	**Khí thải (03 mẫu x 01 lần)**				
1	Bụi tổng số	Mẫu	3,00		
2	SO2	Mẫu	3,00		
3	NO2	Mẫu	3,00		
4	CO	Mẫu	3,00		
5	Tiếng ồn	Mẫu	3,00		
6	VOC	Mẫu	3,00		
III	**Mẫu môi trường nước**				
1.1	***Mẫu nước thải công nghiệp (01 mẫu x 01 lần)***				
1	pH	Mẫu	1,00		
2	BOD5	Mẫu	1,00		
3	As	Mẫu	1,00		
4	Cu	Mẫu	1,00		
5	Cd	Mẫu	1,00		
6	Zn	Mẫu	1,00		
7	Mn	Mẫu	1,00		
8	Fe	Mẫu	1,00		
9	Pb	Mẫu	1,00		
10	COD	Mẫu	1,00		
11	TSS	Mẫu	1,00		
12	Dầu mỡ	Mẫu	1,00		
13	Coliform	Mẫu	1,00		
1.2	***Mẫu nước thải sinh hoạt (02 mẫu x 01 lần)***				
1	pH	Mẫu	2,00		
2	BOD5	Mẫu	2,00		

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)
3	COD	Mẫu	2,00		
4	TSS	Mẫu	2,00		
5	Tổng N	Mẫu	2,00		
6	Tổng P	Mẫu	2,00		
7	Coliform	Mẫu	2,00		
1.3	***Mẫu nước mặt (02 mẫu x 01 lần)***				
1	pH	Mẫu	2,00		
2	TSS	Mẫu	2,00		
3	BOD5	Mẫu	2,00		
4	COD	Mẫu	2,00		
5	Tổng N	Mẫu	2,00		
6	Tổng P	Mẫu	2,00		
7	Cd	Mẫu	2,00		
8	As	Mẫu	2,00		
9	Pb	Mẫu	2,00		
10	Zn	Mẫu	2,00		
11	Cu	Mẫu	2,00		
12	Mn	Mẫu	2,00		
13	Fe	Mẫu	2,00		
14	Tổng dầu mỡ	Mẫu	2,00		
15	Coliform	Mẫu	2,00		
IV	**Mẫu đất (01 mẫu x 01 lần)**				
1	pH	Mẫu	1,00		
2	Cu	Mẫu	1,00		
3	Zn	Mẫu	1,00		
4	Cd	Mẫu	1,00		
5	As	Mẫu	1,00		
6	Pb	Mẫu	1,00		
B	**Chi phí khác**				
1	Thuê xe chở máy móc, thiết bị quan trắc hiện trường	Trọn gói	1,00		
2	Chi phí văn phòng phẩm, in ấn, đóng quyển	Trọn gói	1,00		
	Tổng cộng				
	Thuế GTGT 8%				
	Giá trị sau thuế				

2. Kế hoạch, tiến độ và sản phẩm thực hiện:

- Thời gian thực hiện: 8 tháng (Quý IV/2026; Quý I và Quý II/227) kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

- Tần suất giám sát: Giám sát nguồn thải tần suất 01 lần/quý; giám sát môi trường xung quanh tần suất 06 tháng/lần (thực hiện vào Quý IV/2026 và Quý II/2027). Chi tiết tại Mục 1.2 nêu trên.

- Thời hạn lập báo cáo: Hoàn thành phân tích và bàn giao báo cáo trong vòng không quá 20 ngày kể từ ngày tiến hành lấy mẫu quan trắc hiện trường theo từng đợt giám sát.

- Số lượng hồ sơ bàn giao: 06 bộ báo cáo chính thức có ký tên, đóng dấu pháp lý của đơn vị tư vấn/01 lần giám sát (kèm theo file mềm định dạng .pdf).